TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**
Số: 137/2018/QĐST-HNGĐ	*N, ngày 27 tháng 9 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 204/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2018.

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Hồng H, sinh năm 1992.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Hiện ở tại: Xóm Q 2, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các điều 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị Hồng H và anh Trần Văn Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị H trực tiếp nuôi con chung hiện nay đang ở với chị H là cháu Trần Vũ Thảo L, sinh ngày 28/6/2012. Anh Đ không phải có nghĩa vụ cấp

dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Sau khi ly hôn anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp anh Đ lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Đ.

Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.2. Về tài sản chung - Công nợ chung: Không có nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H nhận nộp cả theo quy định của pháp luật là 150.000 đồng, chị H đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2013/0000923 ngày 07/9/2018 của Thi hành án dân sự huyện N, nay hoàn lại cho chị H 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N ;
- UBND xã T;
- THSDS huyện N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

LÃ THỊ KHUY